

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Tam Hiệp

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Huỳnh Cung - Xã Tam Hiệp - Huyện Thanh Trì - Hà Nội.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

Trường công lập trực thuộc sự quản lý của UBND Huyện Thanh Trì.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trường THCS Tam Hiệp

Trường trung học cơ sở Tam Hiệp, tiền thân là trường cấp I - II Tam Hiệp, chính thức được thành lập từ năm học 1964-1965. Đến năm 1966, trường được đổi tên thành trường THCS Tam Hiệp theo quyết định số 684/QĐ-UB ngày 14/9/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì. Trường được xây dựng có tổng diện tích là 6.686m² tại thôn Huỳnh Cung - xã Tam Hiệp - huyện Thanh Trì - Hà Nội.

Trải qua chặng đường 60 năm xây dựng và phát triển, trường THCS Tam Hiệp đã từng bước trưởng thành và khẳng định vị thế của mình trong ngành giáo dục và đào tạo huyện Thanh Trì.

Trong giai đoạn 2020-2025, Chiến lược phát triển của nhà trường nhằm chỉ rõ những định hướng phát triển, mục tiêu và các giải pháp chủ yếu trong quá trình thực thi để đạt được mục đích, đưa nhà trường phát triển phù hợp với xu thế của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chiến lược phát triển nhà trường sẽ là cơ sở, là nền móng quan trọng cho những quyết sách của Hội đồng trường, Ban giám hiệu và là định hướng đúng cho mọi hoạt động của toàn thể đội ngũ cán bộ, thầy cô giáo, nhân viên và học sinh trong hoạt động giáo dục của nhà trường hiện tại và tương lai.

Xây dựng chiến lược phát triển và triển khai thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường THCS Tam Hiệp là một hoạt động khoa học có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Chính phủ về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô và đất nước trong xu thế hội nhập quốc tế.

5. Quá trình hình thành và phát triển của Trường THCS Tam Hiệp :

Trường THCS Tam Hiệp được thành lập năm 1964, năm 2009 được công nhận trường chuẩn Quốc gia, năm 2017 được công nhận lại trường chuẩn Quốc gia và năm 2023 trường được công nhận đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2. Trường có diện tích toàn trường là 7 570,7m² gồm 24 phòng học, 11 phòng chức năng; khối phòng phục vụ học tập gồm 06 phòng. Tổng số CB, GV, NV là 52 đồng chí; số học sinh toàn trường là 875 em. Trường liên tục đạt danh hiệu “*Tập thể lao động tiên tiến*”.

Trải qua chặng đường 60 năm xây dựng và phát triển, trường THCS Tam Hiệp đã từng bước trưởng thành và khẳng định vị thế của mình trong ngành Giáo dục và Đào tạo Thanh Trì. Một ngôi trường có bề dày truyền thống dạy tốt, học tốt và là một địa chỉ đáng tin cậy của con em xã Tam Hiệp và các xã lân cận.

Trường THCS Tam Hiệp là cơ quan chuyên môn, giúp UBND huyện thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương theo quy định của chính phủ. Đồng thời trường THCS Tam Hiệp chịu sự quản lý của phòng GD huyện về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của luật giáo dục và điều lệ trường phổ thông của Bộ giáo dục và đào tạo.

6. Ban giám hiệu : 02 đồng chí

- Đ/c Bùi Thị Hải Lý – Hiệu trưởng , số ĐT : 0987360405

-Đ/c Đỗ Huyền Thơ – Phó HT , Số ĐT : 0902060268

7. Tổ chức bộ máy nhà trường :

7.1 BGH : 02 đồng chí;

7.2 BCH CĐ : 05 đồng chí, gồm

- Đc Lê Văn Tài – CTCĐ Số ĐT: 0977337725

- Đc Nguyễn Thị Hiền – PCT CĐ số ĐT: 0912358878

- Đc Nguyễn Thị Đảm – UVBCH, TB nữ công, số ĐT 0975256024

- Đc Phạm Thị Hà – UVBCH, Kế toán CĐ, số ĐT 0935514769
- Đc Trần Thanh Thủy – UVBCH, Thư kí, Thủ quỹ CĐ, số ĐT: 0378580711

7.3 Ban TTND : 03 đồng chí, gồm:

- Đc Nguyễn Thị Hiền – TB TTND số ĐT: 0912358878
- Đc Lê Thị Tuyết Mai – UV, số ĐT: 0978702173
- Đc Vũ Thị Lê Bình – UV, số ĐT: 0353462847

7.4. Các tổ chuyên môn : 04 tổ (các tổ chuyên môn có Quyết định thành lập tổ và Quyết định bổ nhiệm TTCM).

7.4.1: Tổ Tự nhiên 1: 10 đ/c (trong đó 10 đ/c là GV biên chế, 0 đ/c là GV HĐ)

7.4.2: Tổ Tự nhiên 2: 07 đ/c (trong đó 05 đ/c là GV biên chế, 02 đ/c là GV HĐ)

7.4.3: Tổ Xã Hội 1: 16 đ/c (trong đó 10 đ/c là GV biên chế , 06 đ/c là GV HĐ)

7.4.4: Tổ Xã Hội 2: 10 đ/c (trong đó 09 đ/c là GV biên chế , 01 đ/c là GV HĐ)

7.5 Tổ văn phòng: 08 đ/c (trong đó 03 đ/c là NV biên chế, 05 đ/c là NV HĐ)

7.6 Chi đoàn TN: 25 đồng chí

8. Hội đồng trường được phê duyệt theo *Tờ trình số 168 /TTr- THCS TH ngày 17 tháng 9 năm 2024 của trường THCS Tam Hiệp, huyện Thanh Trì* gồm 13 đ/c

TT	Họ và tên	Đại diện tổ chức	Chức vụ trong HĐT
1	Bùi Thị Hải Lý	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Thị Thúy Hà	Đại diện chi bộ	Thư ký
3	Đỗ Huyền Thơ	Phó Bí thư - Phó hiệu trưởng	Ủy viên
4	Hoàng Thị Hồng Chuyên	Ban Đại diện cha mẹ học sinh	Ủy viên
5	Nghiêm Thị Phương Chi	Phó Chủ tịch UBND xã Tam Hiệp	Ủy viên
6	Nguyễn Thị Mai Anh	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên
7	Lê Văn Tài	Ban chấp hành công đoàn	Ủy viên
8	Vũ Thị Lê Bình	Đại diện tổ chuyên môn	Ủy viên

9	Nguyễn Mai Hương	Đại diện tổ chuyên môn	Ủy viên
10	Nguyễn Thị Chuyền	Đại diện tổ chuyên môn	Ủy viên
11	Đoàn Minh Phương	Đại diện tổ chuyên môn	Ủy viên
12	Nguyễn Thị Đảm	Đại diện tổ văn phòng	Ủy viên
13	Nguyễn Tùng Chi	Đại diện học sinh	Ủy viên

9. Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu Trưởng, phó hiệu trưởng :

9.1: Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu Trưởng-

-QĐ số 4090/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 về việc điều động bổ nhiệm đồng chí Bùi Thị Hải Lý giữ chức vụ HIệu trưởng Trường THCS Tam Hiệp kể từ ngày 01/8/2024. Thời hạn bổ nhiệm là 5 năm.

9.2 Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng:

-QĐ số 2653/QĐ-CTUBND ngày 12/8/2021 về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đối với đồng chí Đỗ Huyền Thơ giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Tam Hiệp kể từ ngày 01/9/2021. Thời hạn bổ nhiệm là 5 năm.

10. Quy chế làm việc của Trường THCS Tam Hiệp :

QUY CHẾ LÀM VIỆC

1. Họp hội đồng trường: họp 3 lần/ năm học

2. Họp HĐSP:

- Thực hiện: Họp 01lần/tháng

- Thành phần: 100% CB - GV - NV.

- Nội dung:

+ Đánh giá rút kinh nghiệm chương trình công tác tháng trước.

+ Triển khai kế hoạch của tháng hiện tại.

+ Khi họp, các thành viên của Hội đồng tuyệt đối không nói chuyện riêng, không làm việc riêng. Ghi chép đầy đủ, chính xác và đóng góp ý kiến xây dựng. Cá nhân có ý kiến phát biểu giơ tay và phải được sự đồng ý của người chủ trì cuộc họp, không được nói tự do.

3. Họp Ban liên tịch

- Thực hiện: Họp 01 lần/tháng sau khi các thành viên trong HĐSP tự đánh giá trên phần mềm, các tổ chuyên môn họp thống nhất đánh giá viên chức theo tháng của tổ, Ban liên tịch họp đánh giá viên chức cho toàn thể HĐSP (có thể tổ chức thêm phiên họp nếu có việc quan trọng thật sự cần thiết).

+ Đánh giá rút kinh nghiệm chương trình công tác tháng trước.

+ Triển khai kế hoạch của tháng hiện tại.

- Thành phần: BGH + Chủ tịch Công Đoàn + Các tổ trưởng + TPT Đội + Bí thư Chi Đoàn thanh niên + TB TTND + Thư ký Hội đồng + Kế toán.

4. Họp giao ban Ban giám hiệu: họp 2 lần/tháng

+ Thực hiện: vào sáng thứ 2 cách tuần bắt đầu từ 8h20 (Sau tiết chào cờ).

+ Thành phần: các đ/c trong Ban giám hiệu.

+ Nội dung: Đánh giá công việc tuần trước và triển khai công việc tuần sau.

5. Họp GVCN

+ Thực hiện: họp 01 lần/tháng.

+ Thành phần: Ban giám hiệu, giáo viên Chủ nhiệm, TPT, Bí thư Đoàn TN.

+ Nội dung: Rút kinh nghiệm về các mặt còn tồn tại của tháng trước, nêu phương hướng và các giải pháp thực hiện nhiệm vụ của tháng sau.

6. Họp tổ chuyên môn, tổ văn phòng:

+ Thực hiện: Họp 02 lần/tháng

+ Thành phần: 100% thành viên của tổ.

+ Nội dung: đánh giá và rút kinh nghiệm hoạt động của tổ tháng trước, tập trung vào sinh hoạt chuyên môn sâu, triển khai kế hoạch tháng sau. Góp ý đánh giá giờ dạy theo nghiên cứu bài học (đối với tổ CM), góp ý đánh giá các công việc CM của nhân viên đã làm và rút kinh nghiệm cho tháng sau để hoàn thành tốt hơn.

7. Họp Công Đoàn, Chi đoàn thanh niên: Họp theo điều lệ.

8. Họp chi bộ: Họp theo điều lệ, họp 01 lần/tháng.

9. Quyết định Thành lập Trường:

Quyết định số 684/QĐ-UB ngày 14/9/1996 về việc đổi tên trường Phổ thông sơ sở Tam Hiệp II thành Trường THCS Tam Hiệp

10. Các văn bản của Trường THCS Tam Hiệp :

- Chiến lược phát triển.

- Quy chế dân chủ.

- Các nghị Quyết của HĐT.
- Quy chế làm việc của Trường THCS Tam Hiệp.
- Quy chế CTNB, Quy chế TĐKT, QCDC, QC sử dụng tài sản công ...

11. Thu-chi tài chính

11.1 Tình hình tài chính của nhà trường trong năm 2024 (tính đến hết 31/7/2024)

a) Các khoản thu phân theo nguồn kinh phí:

- + Nguồn kinh phí tự chủ
- + Nguồn kinh phí không tự chủ

b) Các khoản chi phân theo chi tiền lương và thu nhập:

- Đã thực hiện đến 31/7/2024:

- + Chi lương và các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương
- + Các khoản chi hoạt động
- + Các khoản quỹ phúc lợi, khen thưởng, phát triển hoạt động sự nghiệp

12. Các khoản thu và mức thu đối với người học bao gồm: học phí, lệ phí

13. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và Miễn, Giảm học phí đối với người học:

- Miễn học phí và tiền dạy thêm học thêm cho học sinh con hộ nghèo.
- Giảm 50% học phí và tiền dạy thêm học thêm cho học sinh con hộ cận nghèo.
- Giảm 50% tiền dạy thêm học thêm cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

II.Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

1.Số lượng GV, NV

+ Có: 44 đ/c GV (trong đó có 35 đ/c GV biên chế, 09 đ/c là GV HĐ)

+ Có: 8 đ/c NV (trong đó 08 đ/c NV biên chế)

* Trình độ đào tạo:

- Trên chuẩn: 04 đ/c

- Đạt chuẩn: 39 đ/c

2. Hiện có 44 đ/c GV hoàn thành BD CM theo quy định thông qua các buổi dự tập huấn theo lịch của SGD , PGD và kế hoạch tự bồi dưỡng của cá nhân.

III. Cơ sở vật chất:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường: tổng diện tích 7570,7 m²

+ Diện tích bình quân tối thiểu: 8,65.m²/HS

2. Các phòng học và phòng chức năng:

+ Số phòng học thông thường: 24 Phòng.

+ Số phòng học chức năng: 15.

+ Phòng y tế : 01

+ Phòng VT: 01

+ Phòng thư viện: 01

+ Phòng đoàn đội: 01

+ Phòng công đoàn: 01

+ Phòng truyền thông: 01

+ Phòng sinh hoạt tổ CM: 04

+ Phòng TB ĐD: 01

+ Phòng đa năng: 02

+ Phòng BGH: 02

+ Phòng BV: 01

+ Phòng nghỉ GV: 01

3. Số lượng TB ĐD :01

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục :

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng GD: Kiểm định mức độ 3

2. Kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục: Đạt mức độ 3 năm 2023.

V. Kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2023-2024:

1. Kế hoạch tuyển sinh: Tổng số tuyển sinh lớp 6 có 223 học sinh.

Trong đó: 160 đối tượng 1; 3 đối tượng 2; 56 đối tượng 3; 4 đối tượng 4;

2. Tổng số HS: 875.chia vào 23 lớp ở cả 4 khối.

3. Số HS ăn bán trú: 70 HS

4. Số HS khuyết tật: 08 HS

5. Kết quả đạt được của năm học 2023-2024

Chất lượng giáo dục năm học 2023-2024

- Kết quả giáo dục đạo đức

	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)
Khối 6 (246HS)	235	95,53	11	4,47	0	0	0	0
Khối 7 (218HS)	206	94,5	12	5,5	0	0	0	0
Khối 8 (193HS)	181	93,78	12	6,22	0	0	0	0
Tổng (657HS)	622	94,67	35	5,33	0	0	0	0
	Tốt		Khá		Trung bình		Kém	
	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)
Khối 9 (212HS)	201	94,81	11	5,19	0	0	0	0

- Chất lượng giáo dục đại trà

	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)
Khối 6 (246HS)	113	45,93	81	32,93	49	19,92	3	1,22
Khối 7 (218HS)	77	35,32	84	38,53	53	24,31	4	1,83
Khối 8 (193HS)	72	37,31	65	33,68	51	26,42	5	2,59
Tổng (657HS)	262	39,88	230	35,01	153	23,29	12	1,83

	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)	SL (HS)	Tỷ lệ (%)
Khối 9 (212HS)	51	24,06	93	43,87	68	32,08	0	0

VI. Kết quả tài chính: đã nêu ở mục 13.

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

*** Thi GVG:**

Cấp Thành phố

- 01 giải Nhì kỹ năng CNTT dành cho nhân viên

Cấp huyện

- 02 giải Nhất (môn Giáo dục thể chất và môn Giáo dục công dân) và 01 giải Ba (môn Lịch sử & Địa lý) trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp huyện

- 02 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Khuyến khích trong Cuộc thi thiết kế bài giảng e-learning;

- 01 Giải Nhì Kỹ năng CNTT dành cho Nhân viên, 01 Giải Khuyến khích Kỹ năng CNTT dành cho Giáo viên;

- 01 giải Khuyến khích Phần thi sản phẩm CNTT và thiết bị dạy học số.

- Chất lượng giáo dục mũi nhọn

Cấp Thành phố: *Tăng 07 giải so với năm học 2022 – 2023*

Khối	Số HS đạt giải cấp TP: 07 Giải			
	Các môn Văn hoá		Thể dục thể thao	
	Học sinh Giỏi cấp thành phố	Đấu trường Toán học VIOEDU	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
6				
7		01 giải KK (HS lớp 7A4)	01 Quyền đồng đội nữ (7A6)	01 Song luyện nữ (7A6)
8		01 Giải Vàng (HS 8A1)		01 Dây gậy (8A5)
9	01 (9A1 giải KK môn GDCD)		01 Võ hạng 54 kg (9A3)	
Tổng	01	02	02	02

Giải cấp Huyện các môn Văn hoá: 84 Giải
(Tăng 26 giải so với năm học 2022 – 2023)

Khối	HSG cấp huyện	Học sinh năng khiếu cấp huyện	Đấu trường toán học VIOEDU
6		21 (01 Nhất, 05 Ba, 15 KK)	06 (04 Giải Đồng, 02 KK)
7		11 (02 Ba, 09 KK)	06 (01 Giải Vàng, 05 KK)
8		07 (01 Ba, 06 KK)	05 (01 Giải Vàng, 01 Bạc, 03 KK)
9	22 (01 Nhì, 01 Ba, 20 KK)		06 (01 Bạc, 02 Đồng, 03 KK)
Tổng	22	39	23

Tam Hiệp ngày 28 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã Ký)

Bùi Thị Hải Lý